

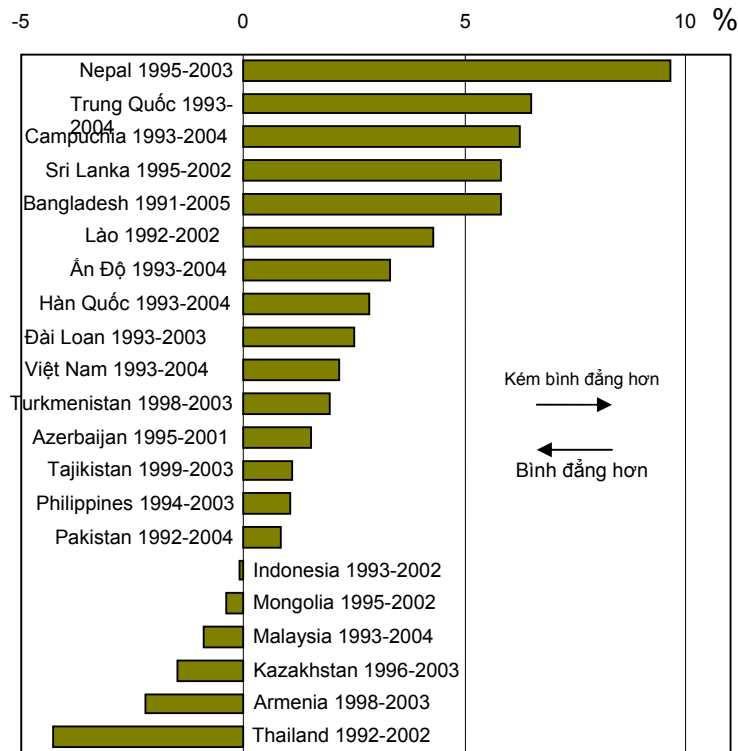
Chương 4

Bất bình đẳng trong thu nhập và tài sản

Người giàu ngày càng giàu nhanh hơn người nghèo

Một trong những vấn đề xã hội quan trọng nhất liên quan đến phát triển nhanh là vấn đề bất bình đẳng gia tăng. Đường cong Kuznets cho thấy bất bình đẳng ban đầu tăng lên rồi sau đó giảm xuống khi thu nhập gia tăng (chương 2). Theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB 2007), gần đây rất nhiều nền kinh tế Châu Á phải đối mặt với vấn đề bất bình đẳng gia tăng. Điều này được thể hiện trong Hình 4-1.

Hình 4-1 Thay đổi trong hệ số Gini



Nguồn: ADB (2007), Bảng 4.4.

Ghi chú: Thay đổi tích lũy trong hệ số Gini dựa trên số liệu về chi tiêu.

Trong những năm gần đây, theo số liệu thống kê đầy đủ, hệ số Gini¹ tăng mạnh nhất ở Nepal, tiếp theo là ở Trung Quốc, Campuchia, Sri Lanka và Bangladesh (ADB 2007). Hệ số Gini của Việt Nam cũng đã tăng từ 34,9% năm 1993 lên 37,1% năm 2004. Theo phân tích của ADB việc gia tăng hệ số Gini ở khu vực châu Á không phải là do “người giàu ngày càng giàu thêm và người nghèo ngày càng nghèo đi” mà là người giàu ngày càng giàu lên nhanh hơn

¹ Hệ số Gini được sử dụng rộng rãi để đo lường sự bất bình đẳng, có giá trị từ 0 (hoàn toàn bình đẳng) đến 1 (hoàn toàn bất bình đẳng), hoặc là từ 0% đến 100% nếu tính theo phần trăm. Các hệ số Gini được trích dẫn ở đây được tính dựa trên chi tiêu, và như vậy độ chênh lệch giữa các nhóm giàu nghèo sẽ ít hơn, bất bình đẳng sẽ ít hơn cách tính theo thu nhập như trong các cuộc điều tra về mức sống.

người nghèo. ADB cho rằng đường cong Kuznet không hoàn toàn đúng đối với một số nước ở Đông Á. Các nền kinh tế công nghiệp đi trước như Nhật Bản, Đài Loan, và Hàn Quốc không trải qua bất kỳ sự đột biến nào về bất bình đẳng nào trong suốt các giai đoạn phát triển nhanh của mình.

Hệ số Gini của một số nước được thể hiện trong bảng 4-1. Thậm chí trong cùng một năm và đối với cùng một quốc gia, hệ số Gini cũng khác biệt tùy thuộc vào cách thiết kế bảng hỏi, chất lượng thông tin và các vấn đề về số liệu khác. Giữa số liệu của ADB trong bảng 4-1 và số liệu của Ngân hàng Thế giới trong bảng 4-1, hệ số Gini ước tính về cơ bản là như nhau² trừ trường hợp của Cam pu chia và Malaysia (Không được thể hiện trong bảng 4-1). Đối với Việt Nam và Trung Quốc, hai quốc gia này có hệ số Gini gần như nhau là từ 35-36% trong năm 1990, nhưng hệ số Gini của Việt Nam lại tăng chậm hơn trong khi đó bất bình đẳng của Trung Quốc trong vài năm gần đây lại tăng rất nhanh. Thái Lan, Philippines và Cam pu chia có mức độ bất bình đẳng cao hơn, trong khi Indonesia ít bất bình đẳng hơn so với Việt Nam. Hệ số bất bình đẳng của Hàn Quốc khá thấp và ổn định trong nhiều năm.

Bảng 4-1 Hệ số Gini tính theo một số năm và một số quốc gia được lựa chọn

	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Việt Nam	35.0	35.0	36.3	...	35.4	35.4	35.9	36.8	37.5	37.5	37.6	37.0
Trung Quốc	36.0	41.2	39.3	...	41.0	42.6	43.9	44.9	45.7	46.7	47.2	47.4
Thái Lan	43.8	...	46.2	43.4	...	40.6	40.7	43.2	42.4	42.2	...	42.5	...
Indonesia	28.9	31.7	36.5	31.0	32.2	32.1	34.3	34.1	34.7	34.9
Philippines	43.8	43.8	42.9	...	46.2	46.0	46.7	46.2	46.2	44.5
Hàn Quốc	29.9	29.9	29.9	29.4	29.4	29.1	29.7	29.0	29.4	29.5	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Campuchia	41.6	41.6	41.6	41.4	42.3	43.9	44.6	46.2	45.4	46.3	46.0

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Phụ lục *East Asia Update*, những năm khác nhau. Đối với từng năm, ấn bản mới nhất được sử dụng.

Nếu mỗi người dân ở khu vực Đông Á đều trở nên giàu có hơn thì tại sao chúng ta lại phải quan ngại về vấn đề bất bình đẳng? ADB (2007) lập luận rằng một trong những tác động tiêu cực của bất bình đẳng là làm cho tốc độ giảm nghèo diễn ra chậm lại với một mức tăng trưởng như nhau. Tuy nhiên, trong bối cảnh tăng trưởng nhanh ở các nước đang phát triển, lý do quan trọng nhất khiến các quốc gia này không mong muốn có bất bình đẳng là những rủi ro về chính trị. Nếu mọi người thấy sự bất công và đối xử không công bằng trong quá trình tăng trưởng, thì xã hội sẽ mất ổn định và sự ổn định về chính trị sẽ bị đe dọa (chương 2).

Cần phải nhấn mạnh rằng không phải tất cả các hiện tượng bất bình đẳng đều không tốt, vì luôn có sự đánh đổi giữa tăng trưởng và bình đẳng. Ở một xã hội hoàn toàn bình đẳng, trong đó chính phủ sẽ lấy đi tất cả phần thu nhập vượt quá mà bạn kiếm được, thì sẽ có rất ít động lực để mọi người làm việc chăm chỉ và sáng tạo. Ở trong xã hội bất bình đẳng cao, nơi các triệu phú và những người nghèo khổ hoàn toàn tách biệt trong cơ cấu xã hội, thì cũng lại có rất ít động lực vươn lên tầng lớp trên.

² Đối với Việt Nam, số liệu của ADB cho thấy hệ số Gini là 36,0% (1993), 35,4% (1998) và 37,5 (2002). Số liệu tương ứng của Ngân hàng Thế giới là 35,0% (1993), 35,4% (1998) và 37,5% (2002). Một chỉ số chung khác, tỷ lệ thu nhập tổng số của nhóm 20% dân số giàu nhất và nhóm 20% dân số nghèo nhất.

Là một yếu tố thể hiện một cách sơ lược, hệ số Gini thường có giá trị trong khoảng từ 30-45% hoặc “phạm vi bất bình đẳng hiệu quả” có thể là phù hợp cho tăng trưởng cao, nhưng sẽ là không thích hợp nếu hệ số này dưới 30% hoặc trên 45% (Cornia và Court, 2001). Theo tiêu chí này, bất bình đẳng của Việt Nam được tính theo chi tiêu hiện vẫn nằm trong phạm vi an toàn, nhưng Trung Quốc đã bắt đầu bước vào phạm vi nguy hiểm. Sự ổn định về chính trị của Trung Quốc hiện nay là vấn đề giải quyết bất bình đẳng, trong khi đó Việt Nam vẫn chưa đạt đến điểm nguy hiểm đó – nhưng có thể trong tương lai, Việt Nam sẽ phải đối mặt với vấn đề tương tự của Trung Quốc hiện nay.

Có một đặc điểm khác biệt nữa là giữa bất bình đẳng dựa trên nỗ lực và bất bình đẳng dựa vào hoàn cảnh. Bất bình đẳng xuất phát từ sự khác biệt về mức độ nỗ lực thường có thể chấp nhận được và thậm chí còn được mong muốn có sự bất bình đẳng đó, nếu một xã hội muốn khuyến khích các doanh nghiệp phát triển và khuyến khích mọi người làm việc chăm chỉ. Mặt khác, bất bình đẳng do có các hoàn cảnh khác nhau, các cá nhân thường không thể tự chọn được hoàn cảnh cho mình, những người sinh sống trong những môi trường và hoàn cảnh thuận lợi sẽ có nhiều cơ hội hơn, đây chính là bất bình đẳng và vì vậy bất bình đẳng do nguyên nhân này thường không được chấp nhận. Chính phủ phải nỗ lực để giảm bất bình đẳng loại này. Thật không may là trên thực tế sự khác biệt giữa bất bình đẳng do sự nỗ lực khác nhau và do hoàn cảnh khác nhau thường không có ranh giới rõ ràng; nếu một em gái được sinh ra trong một gia đình mà bố mẹ bắt em phải bỏ học đi kiếm sống sẽ được coi là bất bình đẳng nào? Liệu em có phải chịu trách nhiệm cho sự thiếu kỷ luật và kiên nhẫn của mình không? Tương tự, có bao nhiêu phần trăm là nỗ lực, bao nhiêu phần trăm là hoàn cảnh khi em trai sinh ra trong một gia đình giàu có rồi được đi du học, sau đó trở thành nhà phân tích tài chính? Trong khi hoạch định chính sách, những đánh giá tính thực tế là rất cần thiết để có thể quyết định xem bất bình đẳng nào là cần thiết, bất bình đẳng nào cần loại bỏ.

Tăng trưởng không đồng đều

Tăng trưởng nhanh thường có xu hướng làm tăng thêm bất bình đẳng vì tăng trưởng thường không đồng đều trừ khi có sự can thiệp của chính phủ để giảm bớt sự không đồng đều này. Đặc biệt là theo định hướng thị trường và xu thế toàn cầu hóa, tăng trưởng diễn ra thường không đồng đều giữa các cá nhân, khu vực, và lĩnh vực. Điều đó dẫn đến sự thay đổi về tài sản của mỗi gia đình, sự phát triển và suy thoái của các ngành, sự chuyển dịch về mặt địa lý của các hoạt động kinh tế, và sự di chuyển của người dân và vốn vào các trung tâm tăng trưởng.

Chuyển dịch từ kế hoạch hóa sang thị trường thường khiến cho bất bình đẳng tăng cao, chúng ta có thể nói rằng chuyển dịch từ quá bình đẳng sang quá không bình đẳng, nếu để cho thị trường hoàn toàn điều phối xã hội. Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, chính phủ luôn theo đuổi bình đẳng, và đó là vấn đề về nguyên tắc, đánh đổi với hiệu quả kinh tế. Thu nhập trước đây tuy thấp nhưng xã hội lại công bằng, các sản phẩm thiết yếu như lương thực, quần áo, nhà cửa ít nhiều đều được phân phối công bằng, không có địa chủ, bình đẳng giới được đảm bảo, giáo dục cơ bản và y tế được đảm bảo cho tất cả mọi người – mặc dù chất lượng dịch vụ có thể không cao.

Tuy nhiên, khi những hệ thống này không còn nữa và cơ chế thị trường được áp dụng thì tăng trưởng cao hơn hẳn nhưng bình đẳng lại trở thành một vấn đề. Trên thế giới một số chính phủ cũng theo đuổi chính sách này ví dụ như cách ví nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình ở Trung Quốc về mèo đen và mèo trắng. Theo cách hiểu này, bất bình đẳng ngày càng tăng ở các nước trong quá trình chuyển đổi là cần thiết vì xã hội cần có những phần thưởng khác biệt cho những cá nhân có nỗ lực khác nhau. Tuy nhiên, không phải tất cả các bất bình đẳng xuất phát từ việc

chuyển dịch kinh tế đều tốt, và những bất bình đẳng do hoàn cảnh khách quan và tòi tệ hơn là bất bình đẳng do có quan hệ cũng đã xuất hiện. Ngoài ra, nếu không kiểm soát và đưa ra các quy định cho thị trường thì bất bình đẳng rất có thể trở nên thái quá như trường hợp của Trung Quốc hiện nay.

Tương tự, hội nhập quốc tế cùng với tự do hóa thương mại và những dòng chảy đầu tư lớn vào trong nước, các viên trợ và nguồn tiền chuyển về từ nước ngoài cũng gây ra những thay đổi đáng kể cho xã hội, và những tác động của nó chắc chắn là rất không đồng đều. Giá cả có liên quan và cơ cấu cầu sẽ thay đổi rất nhiều, và sẽ có những người nhanh chóng nắm bắt được những cơ hội mới và những người sẽ bị tụt hậu lại đằng sau. Những người có khiếu kinh doanh và có được các khả năng cần thiết sẽ có được thu nhập không lồ, trong khi đó những người vốn được lợi từ chế độ bao cấp trước đây nay lại trở thành nghèo khó. Những người trẻ tuổi với tấm bằng đại học và khả năng sử dụng tiếng Anh và khả năng tin học rõ ràng được trang bị tốt hơn những công nhân và nông dân đang phải vật lộn kiếm sống trong môi trường kinh tế mới.

Để giảm bớt bất bình đẳng không cần thiết, chính phủ nên tìm chế thị trường và toàn cầu hóa. Một chính sách tốt là chính sách có thể giám sát và đưa ra được những quy định tốt cho tiến trình chuyển đổi đồng thời cũng đưa ra được những giải pháp để giải quyết các vấn đề xã hội do tăng trưởng mang lại (chương 2).

Bất bình đẳng về tài sản

Trong khi bất bình đẳng về thu nhập và chi tiêu ở Việt Nam còn tương đối thấp, bất bình đẳng về tài sản lại tăng mạnh trong một vài năm trở lại đây. Mặc dù không có số liệu thống kê chính thức và dựa trên những quan sát chủ quan có thể thấy rõ bất bình đẳng về tài sản, chủ yếu là do buôn bán đầu cơ đất đô thị và đất dành cho xây dựng hạ tầng, bất động sản thương mại và công nghiệp chính là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến bất bình đẳng và những phân nân trong công chúng ở Việt Nam. Một số việc thu hồi đất là hợp pháp, nhưng cũng có nhiều vụ việc thu hồi đất mờ ám và thậm chí là có cả các giao dịch đìm giá phi pháp dựa trên tham nhũng và những thông tin mật. Ví dụ, nếu biết trước được ở đâu và khi nào sẽ có kế hoạch mở đường hoặc xây dựng khu thương mại trước khi có công bố chính thức thì rất dễ có thể kiếm được một khoản thu khổng lồ.

Đầu cơ đất đai đang bùng phát bất kể loại dự án nào, cho dù là đất công hay đất tư nhân hay đất thuộc dự án FDI hoặc ODA. Giá đất ở các trung tâm đô thị, ngoại ô, và các khu vực dự án đang lên rất nhanh do có bùng nổ lớn về xây dựng và đầu tư công cộng lớn của chính phủ. Đây là một đặc điểm riêng chỉ có ở Việt Nam và Trung Quốc (chương 5) so với các quốc gia khác cũng nhận được lượng vốn từ bên ngoài lớn và cũng tăng trưởng rất nhanh. Vì vậy, bất bình đẳng thực sự sẽ cao hơn nhiều khi bất bình đẳng về tài sản được tính tới khi sử dụng hệ số Gini tính theo chi tiêu được áp dụng.

Một nguyên nhân khác cũng khá phổ biến và không dự tính trước được dẫn đến bất bình đẳng về tài sản là sự phân chia giữa người chủ đất may mắn và những người đi thuê kém may mắn. Trong suốt thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, nhà cửa và đất nông nghiệp được phân chia đồng đều tùy thuộc theo nhu cầu của các công dân. Tuy nhiên, trong nền kinh tế theo định hướng thị trường và khi hội nhập ngày càng diễn ra sâu rộng thì những giá trị kinh tế mới sẽ được hình thành, giao dịch quyền sử dụng đất đai trở nên có hiệu lực, và những mảnh đất khác nhau sẽ có những giá trị khác nhau, đôi khi còn rất khác nhau. Trong quá trình này, một số sẽ có lợi và kiếm được bội tiền nhờ sự thay đổi này trong khi đó những người khác lại không

nhận được gì cả. Và những người khác, và cả các gia đình khác phải đi thuê nhà sẽ bị nghèo đi khi giá đất và giá thuê nhà leo thang. Một gia đình Hà Nội trước đây có một căn nhà nhỏ trung bình ở khu phố cổ sẽ đột nhiên trở nên giàu có và có thể cho thuê được 2000-3000\$ một tháng hoặc có ngay được một khoản tiền là 0.5-1.0 triệu \$ nếu họ bán đi căn nhà đó, do có sự lạm phát về đất đô thị³. Cũng trong thời điểm đó, một người lao động nhập cư vào thành phố phải làm việc quần quật cả ngày để kiếm được khoảng 50\$ một tháng, cũng trên con phố đó. Khoảng cách giàu nghèo thực sự đang kinh ngạc, nhưng lại vẫn chưa hề được tính toán trong hệ số Gini của ADB và Ngân hàng Thế giới.

Điều đầu tiên cần phải làm về bất bình đẳng ngày càng gia tăng này là thu thập các số liệu hiện có về đất đai và giá đất ở những khu vực khác nhau trên đất nước. Những số liệu trước đây cần phải được tập hợp lại và thống nhất với nhau ở mức tối đa có thể, từ những thông tin thu thập được ở các trung tâm bất động sản và từ phần thông tin về bất động sản trên các báo chí. Trong tương lai, cần phải có một cơ sở dữ liệu một cách có hệ thống thông qua các cuộc điều tra thường xuyên, từng bước từng bước, do các tổ chức đáng tin cậy tiến hành. Dựa trên những số liệu như vậy, các nghiên cứu về tình hình, nguyên nhân, mục đích và phương án giải quyết sẽ được tiến hành. Sự tồn tại của bong bóng bất động sản cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng về cả lý thuyết và thực tiễn, và tác động đến sự phân phối lại tài sản cũng cần được xem xét. Cần nâng cao nhận thức của người dân, và có những cuộc thảo luận công khai.

Gần đây, còn xuất hiện một sự bất bình trong công chúng khi thị trường chứng khoán đi vào hoạt động với lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng (IPOs) của các doanh nghiệp nhà nước ngày càng tăng. Có những người có được các thông tin mật nên thu lợi và giàu lên một cách nhanh chóng. Nếu biết trước một doanh nghiệp sẽ phát hành cổ phiếu ra công chúng, họ sẽ mua cổ phiếu trực tiếp hoặc mua lại quyền mua cổ phiếu của công nhân và nhân viên của doanh nghiệp và sau đó bán lại trong lần phát hành cổ phiếu lần đầu. Đầu cơ này là bất hợp pháp ở hầu hết tất cả các nước, và nó đã mang lại cho người đầu cơ một nguồn lợi khổng lồ. Nhiều người cho rằng lợi nhuận đó chính là nguyên nhân đằng sau của việc “đóng băng” thị trường bất động sản gần đây và tạo ra cầu mạnh về những hàng hóa xa xỉ như xe ô tô và xe máy đắt tiền.

Không có số liệu và thống kê đầy đủ tại thời điểm hiện tại, nên các vấn đề về bất bình đẳng báo động về đất đai và tham nhũng trên thị trường cổ phiếu, cho dù đã hay chưa lên đến mức báo động trong xã hội, vẫn chưa thể tìm được câu trả lời chắc chắn. Tuy nhiên, bất bình đẳng về tài sản có thể trở thành một trong những vấn đề xã hội có liên quan đến tăng trưởng nhanh ở Việt Nam. Các nhà hoạch định chính sách cần phải được tư vấn để có được những lưu ý quan trọng cho sự phát triển.

Các biện pháp khắc phục

Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng có một số biện pháp có thể được áp dụng để giảm bất bình đẳng không mong muốn. Một số biện pháp giúp tạo công ăn việc làm và thu nhập cho những nhóm người bị tụt hậu ở đằng sau, một số biện pháp khác lại tập trung vào phân phối lại thu nhập và của cải. Nói chung cả hai cách tiếp cận như vậy đều rất cần thiết. Ngoài ra, những biện pháp này thường có những tác động tiêu cực. Việt Nam cần nghiên cứu kỹ lưỡng tính ưu

³ Theo một số trung tâm kinh doanh bất động sản, trong tháng 11 năm 2007, một căn nhà mặt phố bốn tầng ở khu phố cổ của Hà Nội, với diện tích đất sử dụng là 60-80m², được bán với giá 10.000\$ một m². Giá cả giao động chút ít tùy thuộc vào vị trí, bề rộng của mặt tiền và việc có phụ thuộc vào tầng trên hay không. Nếu cho thuê, căn nhà như vậy có giá thuê là từ 2000-3000\$ một tháng.

việt của mỗi phương pháp và điều chỉnh, thiết kế chính sách sao cho phù hợp với hoàn cảnh riêng của mình.

Trước tiên, *nâng cao năng suất nông nghiệp*. Đây là cách trực tiếp nhất nhằm nâng cao đời sống của người nông dân. Cải tổ đất đai và tự do hóa nông nghiệp thường có những tác động lớn, mặc dù chỉ một lần, và tạo ra những khuyến khích đối với quy mô sản xuất. Cải tiến nông nghiệp dựa trên những giống cây trồng mới và hệ thống tưới tiêu (“Cuộc cách mạng xanh”) đã tạo ra nhiều thành công rực rỡ ở nhiều nước. Sự đa dạng hóa đối với các loại cây công nghiệp và việc chăn nuôi gia súc cũng là một hướng giải quyết khác. Tuy nhiên, Việt Nam ít nhiều đều đã thử áp dụng các phương pháp này, và liệu có phương pháp khác có thể thúc đẩy nâng cao năng suất nông nghiệp hay không vẫn còn chưa có câu trả lời chắc chắn. Hiệu quả sử dụng đất ở Việt Nam hiện nay là khá cao, và đất được chia thành những mảnh nhỏ, đặc biệt là ở phía Bắc. Những cải tiến về kỹ thuật nông nghiệp và tổ chức cũng nên được xem xét. Nhưng nếu chỉ cải thiện được năng suất một phần nào và không thể làm người nông dân giàu lên được thì cần phải xem xét đến các biện pháp khác.

Thứ hai, *khuyến khích các ngành và dịch vụ ở nông thôn*. Trung Quốc đã khuyến khích công nghiệp hóa nông thôn với mô hình Doanh nghiệp làng ngoại ô (TVE) trong những năm 1990. Sự xuất hiện của TVE không được dự báo trước nhưng đã có những cải tổ đáng kể về cải cách về quyền sở hữu và các đơn vị sản xuất nông thôn. TVE đã tạo ra công ăn việc làm và đem lại thu nhập cho những nhóm dân số kém năng động và tạo ra những cầu mới cho hàng hóa và dịch vụ địa phương. Mặc dù TVE đóng góp đáng kể vào việc làm giàu cho nông thôn và giảm di cư tới các khu vực thành thị nhưng nó chỉ có tác dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Ngoài ra, những thành công như vậy rất hiếm khi đạt được ở các quốc gia trong quá trình chuyển đổi. Ở Việt Nam, các làng thủ công mỹ nghệ nằm rải rác khắp các vùng miền, và cũng đóng vai trò tương tự như tạo công ăn việc làm ở nông thôn, tạo ra thu nhập cho người dân nông thôn giống như trường hợp của Trung Quốc. Tuy nhiên, tác động kinh tế của nó đến nay dường như còn quá khiêm tốn so với thành công của TVE của Trung Quốc.

Thứ ba, có sự *di cư từ nông thôn ra thành thị*. Dòng người nông thôn đến các thành phố để tìm việc làm và thu nhập đang không ngừng diễn ra ở hầu hết các nước đang phát triển, và dòng người di dân này đang ngày càng gia tăng khi tăng trưởng ngày càng tăng. Ở Việt Nam cũng vậy di dân từ nông thôn ra thành thị cũng không ngừng gia tăng. Việc di dân này có cả tác động tích cực và tiêu cực đối với các điểm đến. Mặc dù di cư từ nông thôn ra thành thị về cơ bản được diễn ra do bản thân những người di dân mong muốn đến các thành phố, chính phủ vẫn nên có những chính sách thích hợp để hạn chế những vấn đề không mong muốn có thể xảy ra và bảo vệ những người di dân khỏi những rủi ro có thể xảy đến.

Thứ tư, *thiết lập cơ chế phân phối lại thu nhập và phi thu nhập*. Để thực hiện được cơ chế này, các loại thuế, trợ cấp khác nhau, các biện pháp kiểm soát giá và ưu đãi khác (“các hành động kiên quyết”) cần phải được áp dụng. Những biện pháp này có thể tạo ra những hậu quả về tài chính và những lệch lạc về thị trường, do vậy việc áp dụng chúng cần hết sức thận trọng và có mục tiêu thích hợp để tránh các khủng hoảng về ngân sách, cũng như chính trị. Phân phối lại có thể đi ngược lại xu thế tự do hoá nền kinh tế nhưng nó cần thiết để giảm bớt sự bất mãn về chính trị tại các nước đang tăng trưởng mạnh. Tại Nhật Bản sau thế chiến thứ 2, Chính phủ đã tiến hành việc phân bổ lại các nguồn lực giữa các thành phố công nghiệp bị đánh bom với các khu vực nông thôn thông qua việc phân bổ lại ngân sách trung ương và địa phương, trợ cấp và bảo hộ nông dân, ưu tiên đầu tư các dự án công tại khu vực nông thôn (xem phần sau). Chính sách hào phóng này đã giúp Chính phủ Nhật Bản ổn định tình hình chính trị trong nước tuy nhiên lại gây cản trở cho sự đổi mới trong nông nghiệp. Một khía

cạnh khác của vấn đề phân phối lại là thời hạn áp dụng; bảo hộ rất khó xoá bỏ thậm chí ngay khi sự tồn tại của nó không còn ý nghĩa nữa.

Thứ năm, *tăng đầu tư các dự án công vào khu vực kém phát triển*. Xây dựng các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng giao thông, và cung cấp cấp điện có thể mang lại lợi ích cho các vùng trọng điểm thông qua hai kênh chính; thứ nhất là tạo công ăn việc làm trong quá trình xây dựng, và thứ hai là cung cấp dịch vụ sau khi quá trình thi công các công trình hoàn tất. Tuy nhiên cũng cần lưu ý, đầu tư công là con dao hai lưỡi. Rất nhiều dự án công tiêu tốn rất nhiều chi phí của ngân sách nhưng không đem lại mấy hiệu quả cho người dân địa phương. Kinh tế và chính trị luôn luôn có tác động qua lại, tuy nhiên cũng cần phải dựa trên các tiêu chí về kinh tế để đánh giá hiệu quả của dự án.

Thứ sáu, *nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công*. Điều này trực tiếp tác động đến người nghèo khác hẳn với các dự án đầu tư vào khu vực công với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và gián tiếp trợ giúp người nghèo. Giáo dục cơ sở và chăm sóc sức khoẻ cần phải được cung cấp ở mọi nơi với chi phí phù hợp. Nước sạch và các dịch vụ vệ sinh môi trường cũng không thể thiếu. Khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, các điểm mù chữ cần phải xoá bỏ. Cải thiện hệ thống an sinh xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân cũng là nhiệm vụ quan trọng. Các nước đang phát triển có các hình thức cung cấp dịch vụ công khác nhau. So với chuẩn quốc tế, việc cung cấp các dịch vụ công tại Việt Nam tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn nhiều việc cần hoàn thiện.

Thứ bảy, *đưa ra các biện pháp nhằm điều chỉnh sự bất bình đẳng về tài sản*. Thừa kế tài sản từ bố mẹ là một trong những nguyên nhân gây bất bình đẳng. Nhiều người có đất ở thành phố bắt ngờ trở thành triệu phú. Nhiều người khác giàu có lên nhờ quen biết và tham nhũng. Tuy nhiên, thậm chí ngay cả đối với những người giàu có một cách chân chính nhờ lao động và trí óc vẫn đề đánh thuế tài sản để phân phối lại cho một bộ phận dân chúng còn nghèo khổ vẫn còn là vấn đề tranh luận. Tại thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa áp dụng bất cứ chính sách thuế nào nhằm điều chỉnh sự bất bình đẳng về tài sản. Thiết nghĩ, các sắc thuế như thuế thừa kế, thuế tài sản, thuế đầu tư v.v. cần được nghiên cứu và triển khai theo các trình tự hợp lý.

